

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH G

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày: 28/9/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân H**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Văn D**

2. Ông **Lưu Th**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị B** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 04/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2020/QĐXXST-DS ngày 25/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TN**

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Nh - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: 02/22 TP, phường T, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc T, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: 808 Q, phường A, thị xã A, tỉnh G.

Bị đơn: Ông C, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn O, xã IP, huyện Đ, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản đối chất, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với ông C nên nguyên đơn có cho ông C mượn tiền và mua nợ phân bón. Cụ thể như sau :

Đối với số tiền vay: Ngày 18/01/2018, ông C có mượn của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 2% đến nay ông C chưa trả.

Đối với số tiền mua nợ phân bón: Ngày 10/6/2018, ông C có mua nợ phân bón của nguyên đơn với số tiền là 17.280.00 đồng và có thỏa thuận lãi suất là 1%. Ngày 09/3/2019, ông C có trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng, còn nợ lại 16.835.000 đồng. Ngày 08/4/2019 ông C tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền là 1.500.000 đồng. Còn nợ lại là 15.585.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông C phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 45.585.000 đồng và tiền lãi tương ứng với các khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông C đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, không có lời trình bày của bị đơn.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Đoa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đảm bảo theo quy định tại Khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 45.585.000 đồng và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản và khoản tiền nhận nợ từ việc mua nợ phân bón; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Đ, tỉnh G. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông C đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ quen biết với ông C nên vào ngày 18/01/2018, ông C có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 2%/1tháng, cam kết trong thời hạn trả là 12 tháng sẽ trả.

Ngoài ra, vào ngày 10/6/2018, ông C mua nợ phân bón của nguyên đơn với số tiền là 17.280.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/ 1tháng, không có thỏa thuận về thời hạn trả. Ngày 09/3/2019, ông C trả cho nguyên đơn được 2.000.000 đồng và ngày 08/4/2019 ông C tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng. Như vậy, đối với khoản nợ này bị đơn còn nợ là 15.585.000 đồng.

Xét việc vay và nợ tiền giữa các bên đều thực hiện tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền gốc 45.585.000 đồng còn nợ và yêu cầu tiền lãi tương ứng theo mức lãi suất đã thỏa thuận giữa các bên là có căn cứ.

Về yêu cầu tính tiền lãi, quá trình thực hiện hợp đồng, giữa hai bên có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất của từng khoản vay, nợ. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tính lãi suất của khoản tiền vay 30.000.000 đồng theo mức lãi suất là 1,67%/1tháng tính từ ngày vay là ngày 18/01/2018, còn khoản tiền nợ 15.585.000 đồng yêu cầu mức lãi

suất là 1%/1tháng tính từ ngày 08/4/2019. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự, được chấp nhận. Cụ thể:

Đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 1,67%/1tháng tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày 28/9/2020 thì số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 30.000.000 đồng x 1,67%/1tháng x 32 tháng 10 ngày = 16.199.100 đồng.

Đối với khoản tiền nợ 15.585.000 đồng, với mức lãi suất 1%/1tháng tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 28/9/2020 thì số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 15.585.000 đồng x 1%/1tháng x 17 tháng 20 ngày = 2.753.350 đồng.

Như vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 64.537.450 đồng, trong đó: 45.585.000 đồng là tiền nợ gốc và tiền lãi là 18.952.450 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TN.

1. Buộc ông C phải trả cho Công ty TN số tiền 64.537.450 đồng (*Sáu mươi bốn triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 45.585.000 đồng và tiền lãi là 18.952.450 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông C phải chịu 3.226.872 đồng (*Ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TN số tiền 1.404.125 đồng (*Một triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005326, ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

28/9/2020; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H